

Số: 69/2022/QĐST-DS

Cái Bè, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Tổ 29, ấp S, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đông N**, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Đội 1, ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ **Phạm Thị T**, sinh năm: 1935.
Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim H3**, sinh năm: 1948.
Địa chỉ: Số 766/2H, Phường A1, Quận A2, TP HCM.

3. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1951.
Địa chỉ: xã X1, huyện X3, tỉnh Đồng Nai.

Bà X ủy quyền cho bà H3.

4. Bà **Nguyễn Kim T1**, sinh năm: 1946.
Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông **Nguyễn Thanh H4**, sinh năm: 1971.
Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
6. Ông **Nguyễn Thanh H5**, sinh năm: 1967.
Địa chỉ: Ấp C1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
7. Ông **Trần Văn Sáu N**, sinh năm: 1957 (chết ngày 29/3/2018).
Hàng thừa kế thế vị của ông Trần Văn Sáu N:
- 7.1. Bà **Phạm Thị P**, sinh năm: 1963.
7.2. Anh **Trần Vũ H6**, sinh năm: 1983.
7.3. Anh **Trần Vũ T2**, sinh năm: 1985
7.4. Anh **Trần Chí C2**, sinh năm: 1988.
Cùng địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Anh Hiệp, anh Thành, anh Công cùng ủy quyền cho bà Phước
8. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1976. (Vợ ông H5)
9. Chị **Nguyễn Kim N**, sinh năm: 1998 (Con anh H5).
10. Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 2002 (con anh H5).
Cùng địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
11. Bà **Tổng Thị Kim L**, sinh năm: 1974(vợ ông V).
12. Chị **Nguyễn Tổng H7**, sinh năm: 1997(con ông V).
13. Anh **Nguyễn Tổng H8**, sinh năm: 2000(con ông V).
Cùng địa chỉ: Tổ 29, ấp S, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.
14. Bà **Nguyễn Thị Kim H9**, sinh năm: 1979.
15. Cháu **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm: 2007.
Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H9, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
16. Bà **Nguyễn Kim C1**, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
17. Chị **Nguyễn Thị Kim H10**, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Ấp H11, xã H12, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
18. Ủy ban nhân dân huyện C
Địa chỉ: Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
19. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C
Địa chỉ: Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Cụ Phạm Thị T, bà Tổng Thị Kim Ln, Nguyễn Tổng H7, Nguyễn Tổng H8, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C vắng mặt; Ủy ban nhân huyện C, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Kim N, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Kim H9, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim H9, Nguyễn Kim C1 xin vắng mặt)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các bên thống nhất chia tài sản như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Đông N 700m² đất thuộc thửa 1773 diện tích đo đạc thực tế 2.435,1 m², tờ bản đồ HTC2, địa chỉ đất H, C, Tiền Giang. (Vị trí T2+T3 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 26/7/2022) và 420.000.000 đồng.

Vị trí đất T1, diện tích 30m² trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất giao cho ông N toàn quyền quản lý, sử dụng.

Ông N có trách nhiệm di dời nhà cửa và công trình xây dựng thuộc vị trí T4+T5 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 26/7/2022 giao lại đất và cây trồng cho ông V.

- Chia cho cụ Phạm Thị T, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Thanh H5, Trần Văn Sáu N (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Phạm Thị P, Trần Vũ H6, Trần Vũ T2, Trần Chí C2) mỗi người 300.000.000 đồng giá trị tài sản.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Kim H3 300.000.000 đồng giá trị tài sản. Ghi nhận bà H3 cho lại 300.000.000 đồng này cho ông Nguyễn Thanh V.

- Ông Vũ có trách nhiệm thôi trả giá trị tài sản cho ông Nguyễn Đông N là 420.000.000 đồng. Thôi trả giá trị cho cụ Phạm Thị T, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Thanh H5, Trần Văn Sáu N (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Phạm Thị P, Trần Vũ H2, Trần Vũ T2, Trần Chí C2) mỗi người 300.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh V được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa 1508, tờ bản đồ HTC2, diện tích thực tế 198,6m² địa chỉ đất xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 1.705m² thuộc thửa 1773, tờ bản đồ HTC2, địa chỉ đất xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tổng diện tích 02 thửa là 1978,1m² vị trí từ T4 đến T7 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 26/7/2022.

- Ông Nguyễn Thanh V và Nguyễn Đông N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với vị trí đất được chia, được giao theo qui định pháp luật.

- Thời gian thực hiện việc giao tiền tính từ ngày lập biên bản hòa giải thành đến hết ngày 03/4/2023.

- Thời gian ông Nguyễn Đông N dỡ nhà trả đất, công trình xây dựng và cây trồng cho ông V tính từ ngày lập biên bản hòa giải thành đến hết ngày 03/4/2023.

- Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân

sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Thanh V tự nguyện chịu 60.017.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10170 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 59.717.500 đồng.

- Ông Nguyễn Đông N tự nguyện chịu 28.429.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003412 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 28.129.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh H4 tự nguyện chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10173 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 7.200.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh H5 tự nguyện chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10171 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 7.200.000 đồng.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ ông Trần Văn Sáu N là bà Phạm Thị Ph, Trần Vũ H6, Trần Vũ T2, Trần Chí C2 chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Mỗi người đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0002368 ngày 12/9/2019, số 0002370 ngày 12/9/2019, số 0002369 ngày 12/9/2019, số 0002371 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cè nên phải nộp tiếp 6.300.000 đồng.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Phạm Thị T, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Xh, Nguyễn Thị Kim T1(với lý do người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí). Hoàn lại cho bà Phạm Thị T, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Kim T1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 10171 ngày 26/4/2019, số 10459 ngày 24/6/2019, số 0002387 ngày 16/9/2019; số 10181 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- CC THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

TRẦN TÚ ANH